

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2020/DS-PT

Ngày: 31/12/2020

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 387/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông Phan Văn B, sinh năm 1970

2/ Bà Trương Thị V, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: số A, ấp A, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà V là bà Lại Phan Xuân Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: A, A, khóm 2, Phường 1, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Thị Xuân Hương - Văn phòng luật sư Xuân Hương, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1963

Địa chỉ: số A, ấp A, xã An H, huyện Châu Thành, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1954; Địa chỉ: 31/9, rạch Cái Sơn, khóm 2, phường 1, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Phan Trương Trúc A, sinh năm 1997

2/ Phan Trương Thanh N, sinh ngày 11/5/2002

Cùng địa chỉ: số A, ấp A, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961

Người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1954; Địa chỉ: A, rạch A, khóm 2, phường 1, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

4/ Nguyễn Đức H, sinh năm 1982

5/ Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1984

6/ Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1986

7/ Nguyễn Đức H, sinh năm 1989

8/ Nguyễn Đức H2, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: số 11, ấp Tân Thạnh, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

9/ Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Xiếu – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện.

- Người kháng cáo là ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị D là bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của vụ án.

(Ông K, bà D có mặt tại phiên tòa; UBND huyện có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn B, bà Trương Thị V đồng trình bày:

Ông B, bà V có nhà ở trên diện tích đất 322m², thuộc thửa 898 và một phần thửa 2300, tọa lạc ấp Tân Thạnh, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc đất là của bà Phạm Như Hoa (tên gọi khác là Phạm Thị Nhan) cho cha mẹ ông B là ông Nguyễn Tấn Khương và bà Phan Thị Tám ở vào năm 1983. Sau khi được cho đất, gia đình ông B đã sử dụng hết phần đất này vào việc xây nhà, chuồng heo, trồng cây ăn trái cụ thể trên đất có:

+ 01 căn nhà kết cấu nền gạch tàu, vách lá, mái ngói xây dựng năm 1993, đến năm 2002 sửa chữa lại vách tole, mái tole.

+ 01 chuồng heo kết cấu nền lán xi măng, mái tole ngang khoảng 7,5m dài 7,5m xây dựng năm 2000.

+ Cây trồng trên đất gồm: mít, xoài, tre, mận...

+ Trên đất có 02 phần mộ của cha mẹ ông B chôn cất từ năm 1999.

Hiện căn nhà của ông B đang ở đã hư hỏng nặng, nhưng khi chuẩn bị sửa chữa lại nhà thì ông Nguyễn Đức H là con của bà Phạm Như Hoa ngăn cản, ông B và bà V trình báo với chính quyền địa phương thì mới biết phần đất này ông H đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông B, bà V yêu cầu công nhận diện tích đất 322m² thuộc thửa 898 và một phần thửa 2300 (theo các mốc 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 5 sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 16/12/2019) tọa lạc ấp Tân Thạnh, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp là đất của ông B, bà V và yêu cầu thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Đức H ngày 17/01/1994 đối với diện tích đất 322m² để cấp lại cho ông B, bà V.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức H yêu cầu hộ ông B, bà V phải di dời nhà, chuồng heo, mộ và toàn bộ cây trồng trên đất đi nơi khác để trả lại cho hộ ông H diện tích đất 322m² thì ông B, bà V không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:

Thửa đất số 898 và 2300, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc ấp Tân Thạnh, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Hai và bà Phạm Như Hoa là cha và mẹ của ông H để lại cho ông H thừa kế. Năm 1994 ông H kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 2 thửa: thửa 898, diện tích 250m² đất T và thửa 2300, diện tích 9750m² đất CLN. Trong diện tích đất ông được thừa kế, trước đây vào khoảng năm 1983 mẹ của ông là bà Phạm Như Hoa cho bà Phạm Thị Tám là mẹ của ông Phan Văn B ở nhờ, việc cho ở không nói thời gian bao lâu và chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy. Theo ông được biết thì mẹ ông chỉ cho bà Tám ở một nền nhà diện tích khoảng 32m² (4m x 8m). Sau khi bà Tám chết thì vợ chồng Phan Văn B, Trương Thị V tiếp tục ở và tự ý nói rộng thêm ra, hiện nay diện tích đất vợ chồng ông B sử dụng qua đo đạc thực tế là 322m². Năm 2015 gia đình ông có nhu cầu sử dụng đất nên có yêu cầu ông B, bà V trả lại đất thì phía ông B, bà V đồng ý và hứa thời gian một năm sẽ di dời nhà đi nơi khác nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Nay ông Nguyễn Đức H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B, bà V. Ông H yêu cầu hộ ông B, bà V phải di dời nhà, chuồng heo, mộ và toàn bộ cây trồng trên đất đi nơi khác để trả lại cho hộ ông H diện tích đất 322m², thuộc thửa 898 và một phần thửa 2300 vì hiện nay ông B, bà V đã mua đất tại xã An H, huyện Châu Thành và đã xây nhà ở kiên cố. Ông H không đồng ý hỗ trợ di dời, cũng không đồng ý bồi thường giá trị tài sản trên đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Trương Trúc An và Phan Trương Thanh N trình bày:

Trúc An và Thanh N là con của ông Phan Văn B và bà Trương Thị V. Từ lúc sinh ra đến nay Trúc An và Thanh N ở cùng hộ với ông B trên diện tích đất 322m². Nay Trúc An và Thanh N cũng thống nhất với yêu cầu của ông B và bà V, không đồng ý trả đất cho hộ ông H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Đức H, chị Nguyễn Thị Minh N, chị Nguyễn Thị Minh T, anh Nguyễn Đức H, anh Nguyễn Đức H2) trình bày:

Bà D, anh H, chị N, chị T, anh H, anh H2 là thành viên trong hộ ông H. Ý kiến của các thành viên trong hộ thống nhất với ý kiến trình bày của ông H, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà D, anh H, chị N, chị T, anh H, anh H2 yêu cầu hộ ông B, bà V phải di dời nhà, chuồng heo, mộ và toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại cho hộ ông H diện tích đất 322m² thuộc thửa 898 và một phần thửa 2300 tọa lạc ấp Tân Thạnh, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 03/7/2020, Toà án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn B, Trương Thị V.

1.1. Hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V (hộ ông B, bà V gồm: ông Phan Văn B, bà Trương Thị V, Phan Trương Trúc An, Phan Trương Thanh N) được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 322m² thuộc thửa 898 và 1 phần thửa 2300; diện tích đất trong phạm vi các mốc 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 trở về mốc 5, đất tọa lạc ấp Tân Thạnh, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

(Đất hộ ông B, bà V đang quản lý, sử dụng).

1.2. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Đức H vào ngày 17/01/1994 đối với diện tích đất 322m² thuộc thửa 898 (diện tích 250m²) và một phần thửa 2300 (diện tích 72m²) để cấp lại cho hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V theo bản án đã tuyên.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 16/12/2019 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Châu Thành).

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức H.

Buộc hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V phải có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đức H (Hộ ông Nguyễn Đức H gồm: ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức H2) số tiền 60.120.000đ (Sáu mươi triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/. Về án phí:

Hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V phải chịu 3.006.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ đồng theo biên lai số

BN/2013/06567 ngày 28/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Hộ ông B, bà V còn phải nộp tiếp 2.806.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hộ ông Nguyễn Đức H phải chịu 3.006.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số BH/2018/0007227 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hộ ông Nguyễn Đức H còn phải nộp tiếp 2.706.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/. Về chi phí tố tụng khác: tổng chi phí đo đạc, thẩm định và định giá là 4.745.000đồng.

Hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V phải chịu chi tố tụng là: 2.872.500đồng (đã nộp xong).

Hộ ông Nguyễn Đức H phải chịu chi tố tụng là: 1.872.500đồng (ông B, bà V đã nộp tạm ứng và đã chi xong). Do đó, hộ ông Nguyễn Đức H phải trả cho ông B, bà V 1.872.500 đồng chi phí tố tụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 15/7/2020, ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 03/7/2020, yêu cầu hộ ông Phan Văn B và bà Trương Thị V trả lại cho ông, bà diện tích đất 122m² của thửa 898 và một phần diện tích thửa 2300. Ông bà đồng ý giao cho hộ ông B, bà V 200m² thuộc thửa 898. Ông, bà yêu cầu hộ ông Phan Văn B và bà Trương Thị V trả giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 200 m², với mức giá đất là 450.000.000 đồng thành tiền là 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Đức H thay đổi nội dung đơn kháng cáo là yêu cầu ông B, bà V di dời nhà và tài sản trên đất để trả lại cho ông, bà diện tích đất tranh chấp tổng cộng là 322m² không đồng ý nhận giá trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị D là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Diện tích đất tranh chấp 322m², thuộc thửa 898 và một phần thửa 2300, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp Tân Thạnh, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp mà hộ nguyên đơn Phan Văn B đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của cụ Phạm Như Hoa, là mẹ của bị đơn Nguyễn Đức H. Điều này cũng được phía ông B thừa nhận. Tuy nhiên, ông B cho rằng gia đình ông được cụ Hoa tặng cho phần đất này, nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, trước đây phía ông H cũng đã có yêu cầu phía ông B di dời nhà, trả đất cho ông H thì ông B cũng đã đồng ý và có làm “Tờ thỏa thuận về việc di dời nhà ở” vào ngày 25/11/2015. Do đó, đã có đủ căn cứ xác định hộ ông B được sử dụng phần đất tranh chấp là do trước đây được bà Hoa cho ở nhờ, nên việc vào năm 1993 ông H kê khai đăng ký trong khi phía ông B không có ý kiến hay tranh chấp gì và sau đó ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 17/01/1994) là hoàn toàn hợp pháp.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu phản tố của ông H, bà D, là yêu cầu hộ ông B, bà V phải di dời toàn bộ nhà và tài sản, vật kiến trúc, cây trồng trên đất để trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông bà, đồng thời cho rằng phía hộ ông B, bà V hiện có chỗ ở khác nhưng phía ông H, bà D không xuất trình được chứng cứ để chứng minh nội dung này; ông B, bà V trình bày hiện hộ ông bà không còn phần đất nào khác để ở; theo Công văn số 164/TN&MT ngày 21/02/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp thì hiện nay hộ ông B, bà V không có đất ở nào khác tại xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, không thể buộc hộ ông B, bà V di dời nhà trả lại đất cho hộ ông H, bà D. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông H; chấp nhận cho hộ ông B được tiếp tục sử dụng diện tích đất 322m² và có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đối với diện tích đất này cho hộ ông H 60.120.000 đồng (theo giá đã được Hội đồng định giá đã xác định) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà D cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông H, bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày cho rằng phần đất tranh chấp do gia đình ông B quản lý sử dụng đã được bà Hoa - mẹ ông H cho cha mẹ ông B vào năm 1983 và gia đình ông B sử dụng từ đó đến nay, đã hơn 30 năm nên yêu cầu được công nhận quyền sử dụng chứ không buộc phải trả giá trị đất cho phía ông H, nhưng tòa sơ thẩm buộc phía nguyên đơn trả giá trị thì phía nguyên đơn cũng thống nhất, không có kháng cáo. Tại phiên tòa thì phía bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ gì cho việc kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm. Xét thấy lời trình bày và đề nghị trên của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B là có căn cứ như nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán,

Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do y án sơ thẩm nên ông H, bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 95, 96, 100, 166, 170 và 203 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị D.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn B, bà Trương Thị V.

- Hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V (hộ ông B, bà V gồm: Phan Văn B, Trương Thị V, Phan Trương Trúc An, Phan Trương Thanh N) được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 322m² thuộc thửa 898 và 1 phần thửa 2300; diện tích đất trong phạm vi các mốc 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 trở về mốc 5, đất tọa lạc ấp Tân Thạnh, xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

(Đất hộ ông B, bà V đang quản lý, sử dụng).

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Đức H vào ngày 17/01/1994 đối với diện tích đất 322m² thuộc thửa 898 (diện tích 250m²) và một phần thửa 2300 (diện tích 72m²) để cấp lại cho hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V theo bản án đã tuyên.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 16/12/2019 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Châu Thành).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức H.

Buộc hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V phải có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đức H (Hộ ông Nguyễn Đức H gồm: Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị D, Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức H2) số tiền 60.120.000đ (Sáu mươi triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V phải chịu 3.006.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 200.000đ đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số BN/2013/06567 ngày 28/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hộ ông B, bà V còn phải nộp tiếp 2.806.000 đồng.

+ Hộ ông Nguyễn Đức H phải chịu 3.006.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số BH/2018/0007227 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Hộ ông H còn phải nộp tiếp 2.706.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: tổng chi phí đo đạc, thẩm định và định giá là 4.745.000 đồng. Trong đó:

+ Hộ ông Phan Văn B, bà Trương Thị V phải chịu 2.872.500 đồng (đã nộp xong).

+ Hộ ông Nguyễn Đức H phải chịu 1.872.500 đồng. Do ông B, bà V đã nộp tạm ứng và đã chi xong, nên hộ ông Nguyễn Đức H phải nộp trả cho ông B, bà V 1.872.500 đồng chi phí tố tụng.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị D mỗi người phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0002906, 0002905 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy